

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 37/2018/DS-ST

Ngày 15- 11 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Đo Niê.

2. Ông Vũ Văn Kim.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Hoàng, thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên tòa: ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Võ Thị Hồng H sinh năm 1971. Địa chỉ: tổ dân phố số 10, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ. Bà H có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 sinh năm 1972 bà Trương Hồng L sinh năm 1977. Địa chỉ: thôn 3, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Ông H1 và bà L vắng mặt tại phiên tòa.

3. *Người làm chứng:*

+ Chị Nguyễn Thị Diệu H2 sinh năm 2004. Địa chỉ: thôn 3, xã EaPil, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 08/8/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Võ Thị Hồng H trình bày:

Ngày 22/9/2016 vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 bà Trương Hồng L vay bà H 155.000.000đồng để đảo nợ vốn vay Ngân hàng, thời hạn vay đến ngày 22/10/2016 phải trả nợ, lãi suất theo thỏa thuận. Nhưng vợ chồng ông H1 bà L không trả tiền cho bà H theo đúng cam kết. Bà H yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông H1 bà L phải trả cho bà H 201.345.000đồng bao gồm 155.000.000đồng tiền gốc và 46.345.000đồng tiền lãi (tạm tính đến ngày khởi kiện), tính theo lãi suất 1,3%/tháng kể từ ngày vay đến ngày trả nợ xong. Tại phiên tòa, bà H yêu cầu Tòa án tính toán lại tiền lãi theo quy định của pháp luật và rút một phần yêu cầu về tiền lãi vượt quá theo quy định của pháp luật không được HĐXX chấp nhận.

*Tại bản tự khai ngày 20/8/2018 bị đơn là ông Nguyễn Văn H1 trình bày: Cuối năm 2016, vợ chồng ông H1 bà L vay của bà H 80.000.000 đồng để trả tiền mua rẫy. Sau khi vay, vợ chồng ông H1 không trả nợ đúng hạn nên bà H tính lãi cao thành 155.000.000đồng. Do bà Hạnh tính lãi cao nên ông H1 không chấp nhận việc bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H1 bà L phải trả 155.000.000đồng tiền gốc và 46.345.000đồng tiền lãi.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2018, người làm chứng là chị Nguyễn Thị Diệu H2 trình bày: chị H2 là con của ông H1 bà L. Bà L đi làm ăn tại tỉnh Lâm Đồng nhưng không cho biết địa chỉ cư trú. Chị H2 đã báo cho bà L biết về việc Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà H, tuy nhiên bà L không về Tòa án để giải quyết, yêu cầu ông H1 ở nhà tự giải quyết với bà H và Tòa án.

*Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: bị đơn ông H1 không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa, bà Trương Hồng L không chấp hành đúng pháp luật tố tụng, không cung cấp địa chỉ cư trú.

-Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà H: buộc bị đơn vợ chồng ông H1 bà L phải trả cho bà H 155.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật (lãi trong hạn là 9%/năm; lãi quá hạn trả nợ là 13,5%/năm đến ngày xét xử). Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả tiền lãi đối với phần chênh lệch số tiền lãi theo đơn khởi kiện trừ số tiền lãi được HĐXX chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết:

Nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 bà Trương Hồng L phải trả nợ theo giấy vay tiền ngày 22/9/2016. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã E, huyện M, tỉnh Đ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk.

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn. Bị đơn chỉ có ông H1 tham gia tố tụng, còn bà L bỏ đi khỏi địa phương, bà L không thông báo cho người khởi kiện biết về địa chỉ mới của bà L. Do đó, Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông H1 và yêu cầu ông H1 cam kết thông báo cho bà L biết. Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng và thông báo nhiều lần qua số điện thoại 0979.138.760, bà L đã biết được thông tin về việc nguyên đơn khởi kiện nhưng bà L không tham gia tố tụng và không cung cấp địa chỉ. Vụ án được đưa ra xét xử lần thứ nhất vào ngày 30/10/2018 nhưng bị đơn vắng mặt. Phiên tòa thứ hai bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 BLTTDS và căn cứ hướng dẫn tại điểm b, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần trong yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc, nguyên đơn yêu cầu HĐXX tính toán lại tiền lãi theo quy định của pháp luật để buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi trên số nợ gốc. Áp dụng khoản 2 Điều 244 BLTTDS, HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trên số nợ gốc (phần chênh lệch số tiền lãi theo đơn khởi kiện trừ số tiền lãi được HĐXX chấp nhận).

[2]. Về nội dung:

[2.1] Tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015 quy định: Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày BLDS năm 2015 có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của BLDS năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết BLDS năm 2005 để giải quyết. Do vậy, khoản nợ bị đơn vay của nguyên đơn được giao kết và thực hiện trước ngày 01/01/2017 được áp dụng những quy định của BLDS năm 2005 để giải quyết.

[2.2] Theo giấy vay tiền ngày 22/9/2016 có chữ viết và chữ ký của ông H1 bà L thể hiện nguyên đơn (bà H) cho bị đơn (ông H1 bà L) vay 155.000.000đồng. Ông H1 cho rằng vợ chồng ông chỉ vay của bà H 80.000.000đồng tiền gốc, do quá hạn không trả được nợ, nên bà H tính lãi cao, cộng dồn thành 155.000.000đồng, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh. Do đó, có cơ sở để khẳng định ngày 22/9/2016, vợ chồng ông H1 bà L vay của bà H 155.000.000đồng.

[2.3] Về tiền lãi:

Nguyên đơn cho bị đơn vay tiền, có thời hạn và có lãi nhưng không xác định rõ lãi suất. Nên cần áp dụng khoản 2 Điều 476 BLDS năm 2005 để tính lãi suất trong hạn trả nợ. Tại khoản 2 Điều 476 BLDS năm 2005 quy định: “Trong trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có

tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ”. Lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ là 9%/năm (0,75%/tháng).

Đến hạn trả nợ, bị đơn không trả tiền cho nguyên đơn, HĐXX cần buộc bị đơn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn theo lãi suất quá hạn được quy định tại khoản 2 Điều 305 và khoản 5 Điều 474 BLDS năm 2005 “Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác; Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.”. Theo đó, lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán là 13,5% /năm. Cụ thể, buộc bị đơn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn như sau:

+Lãi trong hạn (trong thời hạn cho vay): $155.000\text{đồng} \times 1 \text{ tháng (từ 22/9/2016 đến ngày 22/10/2016)} \times 0,75\% /\text{tháng} = 1.162.500\text{đồng}^1$.

+Lãi quá hạn (chậm trả): $155.000.000\text{đồng} \times 753 \text{ ngày (từ ngày 23/10/ 2016 đến ngày 15/11/2018): } 365 \text{ ngày} \times 13,5\% /\text{năm} = 43.168.562\text{đồng}^2$.

Tổng tiền lãi ⁽¹⁺²⁾ 44.331.062đồng lấy tròn số 44.331.000đồng

Như vậy, buộc bị đơn vợ chồng ông H1 bà L phải trả cho nguyên đơn bà H 199.331.000đồng, bao gồm 155.000.000đồng tiền gốc và 44.331.000đồng tiền lãi.

[2.4]Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu HĐXX tính toán lại tiền lãi theo pháp luật, nên cần đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn theo đơn khởi kiện về tiền lãi so với yêu cầu được HĐXX chấp nhận, chênh lệch là 2.014.000đồng (46.345.000đồng tiền lãi theo yêu cầu đơn khởi kiện, trừ 44.331.000đồng tiền lãi được HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn).

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị đơn phải chịu 9.967.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận 199.331.000đồng x 5%.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 305, khoản 5 Điều 474 và khoản 2 Điều 476 Bộ Luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H:
- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 bà Trương Hồng L phải trả cho bà Võ Thị Hồng H 199.331.000đồng (Một trăm chín mươi chín triệu ba trăm ba mươi một

ngàn đồng), bao gồm 155.000.000đồng tiền gốc và 44.331.000đồng tiền lãi theo giấy vay tiền ngày 22/9/2016.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đình chỉ một phần khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 bà Trương Hồng L phải trả cho bà H 2.014.000đồng tiền lãi.

2. Về án phí:

- Vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 bà Trương Hồng L phải chịu 9.967.000đồng (Chín triệu chín trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Võ Thị Hồng H 5.034.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0004654 ngày 06/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrăk.

3. Thông báo quyền kháng cáo.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrăk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương